TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 28-3-2023.
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Minh Lý.

Ông Bùi Văn Thái.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1965; có mặt.

Cư trú tại: ấp S, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: bà Võ Thị B, sinh năm 1965; có mặt.

Cư trú tại: ấp S, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn – ông Trịnh Văn Th trình bày:

Ông và bà B chung sống với nhau vào năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trảng Bàng (nay là xã Đ, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Sau khi cưới, vợ chồng về sống tại ấp S, xã Đ, huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Ông làm tài xế, bà B buôn bán tạp hóa tại nhà. Vợ chồng ông bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2011 đến nay, nguyên nhân là do bất hòa về kinh tế gia đình, bà B là người quản lý, tính toán kinh tế gia

đình, khi ông đi làm về đều giao tiền cho bà B nhưng ông không biết bà B chi tiêu như thế nào, vợ chồng không thể thông cảm, chia sẻ cho nhau; bà B không quan tâm, lo lắng cho ông, không đưa tiền cho ông để chăm lo cho cuộc sống của ông; bà B có lời nói không tế nhị làm tổn thương ông nên tình cảm vợ chồng đã phai nhạt và vợ chồng đã tự ly thân từ năm 2017 đến nay, tuy sống chung nhà nhưng giữa vợ, chồng bất hòa trong quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến nhau; khi ông bị bệnh thì bà B cũng không quan tâm, chăm sóc và không phụ giúp tiền viện phí cho ông. Ông thừa nhận ông có tham gia câu lạc bộ đàn ca tài tử nhưng ông không có quan hệ tình cảm với người khác như bà B trình bày. Ông xác định ông không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống với bà B. Nay ông yêu cầu được ly hôn bà B vì cuộc sống hiện tại của ông có quá nhiều áp lực, ông muốn ly hôn để có được đời sống tinh thần thoải mái và để ông có thể tự trang trải, lo lắng cho cuộc sống riêng tư của ông tốt hơn.

Về con chung: vợ chồng ông có hai con chung là anh Trịnh Minh T, sinh năm 1988 và anh Trịnh Minh Y, sinh năm 1991. Khi ly hôn, anh T và anh Y đều đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: vợ chồng ông có những tài sản chung bao gồm:

+ 01 (một) phần đất có diện tích khoảng 6.8... m2 thuộc thửa H, tờ bản đồ 27, tọa lạc tại ấp X, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ H03… ngày 10-9-2009 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp cho ông và bà B cùng đứng tên. Trên đất trồng cây cao su hiện đang thu hoạch.

+ 01 (một) phần đất có diện tích khoảng 2... m2 thuộc thửa 12..., tờ bản đồ 20, tọa lạc tại ấp S, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: (H) 00…/…/2004/HĐ-CN do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng (nay là thị xã Trảng Bàng) cấp cho hộ gia đình ông và bà B cùng đứng tên. Trên đất có 01 căn nhà và các công trình phụ gắn liền với đất.

Tại đơn khởi kiện, ông yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà B gồm những tài sản nêu trên. Nay ông xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng ông không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Võ Thị B trình bày: bà thừa nhận lời trình bày của ông Th về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi sinh sống sau khi kết hôn là đúng. Tuy nhiên, vợ chồng bà chỉ bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2017 đến nay, nguyên nhân là do ông Th thay đổi tính tình, tham gia đàn ca tài tử, thường xuyên tụ tập bạn bè đi chơi và về nhà muộn, không

quan tâm, lo lắng cuộc sống gia đình và vợ, con. Ngòai ra, bà nghi ngờ ông Th có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác vì bà thường xuyên nhìn thấy ông Th gọi điện thoại với người này. Vợ chồng bà đã chung sống với nhau hơn 30 năm, giữa vợ, chồng chỉ có những mâu thuẫn nhỏ nhặt, không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Trong suốt quá trình chung sống với nhau, kinh tế gia đình tuy khó khăn nhưng vợ chồng vẫn đồng lòng xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái, ông Th làm nghề lái xe thuê, bà thì buôn bán tạp hóa, kinh tế trong gia đình đều do bà tự tính toán, chi tiêu. Bà không có lỗi lầm gì và không có thói hư tật xấu nào khiến vợ chồng mâu thuẫn nhau. Bà thừa nhận có lần bà dùng từ ngữ không tế nhị với ông Th nhưng do ông Th không tôn trọng và không quan tâm đến bà cũng như con cái và đời sống gia đình. Tuy vợ chồng bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay nhưng vợ chồng đều đã lớn tuổi và vẫn sống chung nhà, sinh hoạt gia đình và kinh tế chung với nhau; hằng ngày ngoài việc buôn bán, bà vẫn lo việc ăn uống, sinh hoạt cho ông Th; mỗi khi ông Th bệnh thì bà đều quan tâm, chăm sóc nhưng lần gần nhất khi ông Th bị bệnh thì ông Th tự đi bệnh viện, không đồng ý cho bà đi theo để chăm sóc, bà gọi điện thoại nhiều lần nhưng ông Th cũng không nghe điện thoại. Trong suốt quá trình chung sống cùng ông Th, bà luôn là người nhường nhịn và hòa giải với ông Th vì vợ chồng bà đều đã lớn tuổi, bà muốn cuộc sống gia đình hạnh phúc và êm ấm. Nay bà không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng ông Th.

Về con chung: vợ chồng bà có hai con chung là anh Trịnh Minh T, sinh năm 1988 và anh Trịnh Minh Y, sinh năm 1991. Nếu Tòa án xét xử cho vợ chồng bà ly hôn, anh T và anh Y đều đã thành niên và có khả năng lao động tự nuôi sống mình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng bà không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Trịnh Văn Th đối với bà Võ Thị B.

Về con chung: không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung: đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Th.

Về nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: ông Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: ông Trịnh Văn Th yêu cầu ly hôn đối với bà Võ Thị B. Yêu cầu của ông Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Th và bà B chung sống với nhau từ năm 1987 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh vào năm 2002. Do đó, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn, tuy lời khai của ông Th và bà B không thống nhất về thời gian xảy ra mâu thuẫn và thời điểm ly thân nhưng ông, bà đều xác định hiện tại tuy sống chung nhà nhưng vợ chồng đã tự ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông Th trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, giữa vợ, chồng không hòa hợp trong quan hệ vợ chồng và bà B không quan tâm, lo lắng cho ông. Nay ông Th yêu cầu ly hôn nhưng bà B không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ cùng ông Th vì bà vẫn còn tình nghĩa với ông Th, hiện tại vợ chồng bà đều đã lớn tuổi, trong quá trình chung sống bà cũng không có lỗi gì với ông Th mà luôn cố gắng lo lắng, vun vén cho gia đình.

Xét thấy, ông Th và bà B chung sống đến nay đã hơn 30 năm, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, chỉ xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân từ khoảng năm 2017-2019 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa ông Th và bà B là do giữa vợ chồng có mâu thuẫn về kinh tế do bà B là người quản lý chi tiêu trong gia đình nên ông Th cho rằng bà B sử dụng tiền không minh bạch với ông, không quan tâm đến ông và do ông Th thường xuyên tham gia câu lạc bộ đàn ca tài tử, thiếu sự quan tâm đến cuộc sống gia đình. Mặt khác, trong quá trình chung sống, bà B cũng không có lỗi nghiêm trọng dẫn đến việc vợ chồng mâu thuẫn nhau. Tại phiên tòa, ông Th xác định hiện tại ông không thể tiếp tục chung sống với bà B và ông muốn ly hôn để có cuộc sống tinh thần thoải mái và có thể tự lo lắng cho cuộc sống riêng tư của ông. Tuy nhiên, ông Th và bà B cùng xác nhận tuy đã ly thân nhưng hiện tại vợ chồng ông

Th và bà B vẫn đang sống chung nhà với nhau, sinh hoạt thường ngày và sử dụng kinh tế gia đình chung với nhau. Như vậy, lời trình bày của ông Th là không có cơ sở để chấp nhận. Bên cạnh đó, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần và tại phiên tòa bà B đều kiên quyết không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ cùng ông Th, cho thấy thiện chí hàn gắn đời sống hôn nhân của bà B. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông Th và bà B không trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn có thể đạt được và khả năng đoàn tụ giữa bà B và ông Th vẫn còn nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th đối với bà B.

[3] Về con chung: do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Th nên không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung.

[4] Về tài sản chung:

4.1. Tại Đơn khởi kiện, ông Th có yêu cầu chia tài sản chung của ông và bà B gồm: 01 phần đất có diện tích 6.8... m2 thuộc thửa H, tờ bản đồ 27 và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại ấp X, xã H, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; 01 phần đất diện tích 2... m2 thuộc thửa 12...,, tờ bản đồ 20 và tài sản gắn liền với đất, tọa lạc tại ấp S, xã Đ, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Tuy nhiên, đến ngày 09-02-2023, ông Th đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Th.

4.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp: ông Th phải chịu 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông Th đã nộp xong.

[5] Về nợ chung: ông Th, bà B trình bày không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[6] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí: ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trịnh Văn Th đối với bà Võ Thị B.

2. Về con chung: không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Trịnh Văn Th. Ghi nhận ông Th, bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản tranh chấp: ông Th phải chịu 4.400.000 (bốn triệu bốn trăm nghìn) đồng. Ghi nhận ông Th đã nộp xong.

4. Về nợ chung: ông Th, bà B trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: ông Trịnh Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.300.000 (mười bốn triệu ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026625 ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; ông Th được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

6. Ông Th, bà B có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ